TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày 08/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-DS ngày 20/6/2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 82/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: - Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1958.

(Ông Ch ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng, bà H có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quang H2, sinh năm 1968. Ông H2 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 tham gia tố tụng, bà H1 có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Đề nghị Tòa án:

1. Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 18/02/2022 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H1 và bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn Ch, tài sản cho vay là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ch phải trả tiền nợ gốc 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi là 83.200.000 đồng bà tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện. Tổng cộng cả gốc và lãi là 603.200.000 đồng (sáu trăm linh ba triệu hai trăm ngàn đồng) và lãi suất tiếp theo cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ khi bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật, bà H1 có đơn đề nghị thi hành án mà vợ chồng bà H ông Ch không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là:

Bà và vợ chồng bà H ông Ch có quan hệ là người cùng xã, quen biết nhau. Bà H làm tổ trưởng vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp, nên bà biết vợ chồng bà H. Bà cũng đã nhiều lần cho bà H vay tiền, các lần vay bà H đã thanh toán xong.

Ngày 18/02/2022 bà Nguyễn Thị H có đến nhà bà hỏi vay tiền để đảo sổ vay tín dụng của Ngân hàng, lúc đầu bà không đồng ý, sau đó bà H nải nỉ nói vay 01 tháng trả ngay; bà thấy bà H vẫn làm thủ tục giúp đỡ mọi người vay tiền Ngân hàng, lần nào vay bà H cũng trả đầy đủ, đứng hạn, nên tin tưởng bà H. Bà đã cho bà H vay 520.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất là 1%/tháng.

Sau khi thoả thuận xong, bà giao cho bà H đủ 520.000.000 đồng, vợ chồng bà H đã nhận đủ tiền và cùng ký giấy vay tiền cho bà.

Hết hạn 1 tháng không thấy vợ chồng bà H trả lãi, bà đã đòi thì bà H ông Ch khất nợ; bà đòi nhiều lần vợ chồng bà H vẫn không trả; các lần đòi tiền bà H chỉ khất nợ và cam kết tính lãi theo mức lãi 1% tháng. Do bà H và ông Ch đồng ý trả lãi, nên bà tin tưởng và đồng ý cho bà H ông Ch tiếp tục vay. Tuy nhiên bà H ông Ch không trả bà tiền gốc và lãi. Nay vợ chồng bà H ông Ch còn nợ bà:

- Nợ gốc: 520.000.000 đồng.

- Nợ lãi: 520.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng = 83.200.000 đồng.

Tổng cộng: 520.000.000 đồng + 83.200.000 đồng = 603.200.000 đồng.

Bà thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm, nên khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho bà.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà xác nhận ngày 18/02/2022 có vay của bà H1 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 1 tháng, đến ngày 18/3/2022 phải trả. Hai bên thoả thuận bằng miệng lãi suất 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ. Bà đã nhận đủ tiền vay và viết giấy vay tiền cam kết trả nợ.

Chữ ký ông Nguyễn Văn Ch chồng bà trong giấy ghi tại mục "*Người thừa kế*" là chữ ký của ông Ch. Ông Ch ký giấy tại nhà bà và ông Ch.

Số tiền trên bà cho người khác vay lại, bà cũng lấy lãi với người ta ở mức trên 1%/tháng, mức lãi chênh lệch bà để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình.

Đến nay bà xác định còn nợ bà H1 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi 1% chưa trả là 83.200.000 đồng.

Bản tính lãi suất là do bà tự viết cho bà H1.

Bà H1 yêu cầu: Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 18/02/2022 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H1 và bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn Ch, tài sản cho vay là 520.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật. Bà đồng ý. Bà đồng ý trả lãi cho bà H1 với mức lãi suất như thỏa thuận khi vay tiền là 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Do người khác chưa trả tiền bà, nên bà chưa có tiền trả bà H1, khi nào có bà sẽ trả nợ gốc trước, còn tiền lãi trả sau.

** Tại biên bản lấy lời khai và văn bản trình bày, ông Nguyễn Văn Ch có ý kiến như sau:* Ngày 18/02/2022 vợ chồng bà H1 có đến nhà ông đòi tiền, vợ ông có vay tiền của bà H1, ông không biết là bao nhiêu, sau đó vợ ông trả bà H1 200.000.000 đồng, bà H1 nhận tiền xong và đưa cho ông giấy bảo ông ký đã trả xong 200.000.000 đồng. Vợ ông vay tiền của bà H1 làm gì ông không biết, vì thời gian đó ông ở quê, vợ ông nói vay để đáo hạn Ngân hàng cho người khác, việc vay tiền chỉ có vợ ông và bà H1, khi bà H1 đòi tiền thì ông mới biết, ông không liên quan gì.

Chữ ký trong giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 18/02/2022 là chữ ký của ông, khi ký ông không đọc giấy, không biết giấy bà H1 viết gì. Ông không đồng ý trả tiền bà H1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Trần Quang H2 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 tham gia tố tụng.

* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án;

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Toà án công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 18/02/2022 giữa bên cho vay là bà và bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn Ch, tài sản cho vay là 520.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ch phải trả tiền nợ gốc 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi là 83.200.000 đồng tính đến ngày nộp đơn khởi kiện và lãi suất tiếp theo cho đến hôm nay.

Bà H làm tổ trưởng tổ vay vốn cho Ngân hàng Nông nghiệp, đã nhiều lần vay tiền của bà, các lần vay bà H1 đều trả nợ gốc và lãi đúng hạn, nên bà tin tưởng bà H. Ngày 18/02/2022 bà H đến nhà bà hỏi vay 520.000.000 đồng, bà đồng ý cho vay, hai bên thoả thuận lãi suất 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Sau khi thoả thuận xong. Bà đã giao tiền cho bà H đầy đủ và bà H đã tự viết giấy vay cho bà. Do lần này bà H vay số lượng tiền lớn, lại không có thế chấp, nên bà cùng abf H về nhà bà H yêu cầu ông Ch là chồng bà H ký vào giấy vay tiền để cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Ông Chao sau khi xem giấy đã ký vào giấy vay tiền. Do bà H và ông Ch không trả tiền cho bà, nên bà yêu cầu bà H và ông Ch phải trả cho bà nợ gốc và nợ lãi 1%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà H cho rằng chỉ vay 440.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng là tiền lãi; cộng cả gốc và lãi là 520.000.000 đồng là không đúng.

Ông Ch cho rằng ông Ch không biết và không liên quan gì đến việc vay tiền là không đúng. Vì: Ngày 18/02/2022 bà mang giấy vay tiền đến nhà ông Chao cho ông Ch ký, ông Ch đã xem giấy và ký nhận. Nếu ông Ch không ký giấy thì bà không đồng ý cho vay.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là cộng tác vien của tổ vay vốn Ngân hàng nông nghiệp. Trong thôn có nhiều hộ vay tiền Ngân hàng, các hộ vay tiền chưa có tiền trả Ngân hàng thì bà đứng ra vay tiền giúp họ trả nợ, sau đó họ trả lại cho bà. Bà đã nhiều lần vay tiền bà H, các lần vay bà đã trả đầy đủ. Số tiền à H đòi bà chỉ vay nợ gốc là 420.000.000 đồng, còn lại là 80.000.000 đồng là tiền lãi, tổng cộng là 520.000.000 đồng.

Giấy nhận vay tiền và cam kết trả nợ là chữ viết và chữ ký của bà, giấy viết vào ngày 18/02/2022, bà H1 có đưa cho ông Ch ký và ông Ch ký vào cuối giấy, nhưng ông Ch không đọc nội dung.

Số tiền và vay của bà H1 bà cho người khác vay với lãi suất cao hơn một chút, để lấy tiền đi lại và chi tiêu, đến nay họ chưa trả cho bà.

Bà xác nhận còn nợ bà H1 là 520.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo thoả thuận là 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Bà đồng ý trả bà H1 nợ gốc là 520.000.000 đồng và lãi là 1%/tháng. Nhưng

hiện nay người vay chưa trả tiền cho bà, nên bà không có tiền trả cho bà H1, bà sẽ trả tiền gốc trước, còn tiền lãi trả sau.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều: 147, 227, 271, 273 của BLTTDS;

Điều 12 của Nghị quyết số 326

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền nợ gốc là 520.000.000 đồng và lãi suất là 83.200.000 đồng. Tổng cộng là 603.200.000 đồng.

- Về án phí: Do bà H và ông Ch là người cao tuổi nên miễn tiền án phí cho bà H ông Ch.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị quyền kháng cáo cho các đương sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H1 đề nghị công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 18/12/2022 giữa bà H1 và vợ chồng bà H ông Ch có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bị đơn bà H ông Chảo phải trả số tiền đã vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam. Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý vụ án là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 đề nghị:

Bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị H có quan hệ hệ xã hội, là người cùng xã. Trong quá trình làm ăn, đã nhiều lần bà H vay tiền của bà H1, các lần vay bà H đều thanh toán đầy đủ.

Ngày 18/02/2022 bà H1 và bà H có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản. Trong đó bà H1 là bên cho vay, còn bà H là bên vay; tài sản cho vay là tiền Việt Nam đồng. Sau khi thỏa thuận xong, bà H1 đã cho bà H vay 520.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 18/3/2022, bà H đã nhận đủ tiền và viết giấy: "*Giấy nhận vay tiền và cam kết trả nợ*" đồng thời ký tên vào mục người vay tiền. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận lãi bằng miệng là 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Bà H công nhận hợp đồng vay tài sản này.

- Đối với ông Nguyễn Văn Ch là chồng bà Nguyễn Thị H.

Ông Ch cho rằng ông không biết việc bà H vay tiền của bà H1, ngày 18/02/2022 bà H1 bảo ông ký giấy đã trả tiền 200.000.000 đồng nên ông ký, ông không biết giấy bà H1 ghi nội dung gì.

Xét thấy: Tại lời khai của bà H ngày 19/7/2023, bà H xác nhận chữ viết trong giấy vay tiền là bà H viết ra, nên ông Ch cho rằng nội dung giấy là bà H1 viết là không đúng. Mặt khác ông Ch thừa nhận đã ký giấy vay tiền tại nhà mình vào ngày 18/02/2022. Do đó việc ông Ch ký tên vào giấy là hoàn toàn tự nguyện, không hề có ai ép buộc phải ký và ký cùng ngày ghi trong giấy vay tiền. Nội dung giấy nhận vay tiền có ghi: "*Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ nội dung cũng như trách nhiệm của mình...*". Như vậy, ông Ch ký tên vào giấy là ông Ch đã xác nhận toàn bộ nội dung ghi trong giấy là đúng. Do đó có đủ căn cứ xác định ông Ch đã cùng vợ là bà H vay số tiền 520.000.000 đồng của bà H1. Nên ông Ch phải có nghĩa vụ trả nợ cùng bà H số tiền đã vay.

Căn cứ vào các Điều: 116, 117, 118, 119, 463, 464, 465, 466 của BLDS thì các bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản đúng về mặt chủ thể, hình thức, mục đích, nội dung và bên cho vay đã giao tài sản là 520.000.000 đồng, bên vay đã nhận tài sản là 520.000.000 đồng theo như hợp đồng đầy đủ.

Do đó cần công nhận đồng vay tài sản ngày 18/02/2022 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H1 và bên vay là bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn Ch, tài sản cho vay là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu buộc trả nợ của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà H1 cho bị đơn là bà H ông Ch vay 520.000.000 đồng ngày 18/02/2022, thời hạn vay 1 tháng, đến ngày 18/3/2022 bà H ông Ch phải trả bà H1 tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Đến hạn trả nợ, bà H ông Ch không trả được tiền cho bà H1. Như vậy bà H và ông Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định

tại Điều 466 BLDS. Do đó cần buộc bà H ông Ch phải trả bà H1 số tiền nợ gốc là 520.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Bà H xác nhận khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Việc các bên thỏa thuận trả lãi là phù hợp với qui định tại Điều 468 của BLDS qui định:

Do đó bà H1 đề nghị được tính lãi như vậy là phù hợp và đúng qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS nên cần chấp nhận.

Số tiền lãi bà H ông Ch phải trả tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là:

Từ 18/02/2022 đến 08/9/2023: 1 năm 06 tháng 21 ngày.

(520.000.000 đồng x 1%) x 1 năm 6 tháng 21 ngày = 97.239.000 đồng.

Cả gốc và lãi là: 520.000.000 đồng + 97.239.000 đồng = 617.239.000 đồng.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của BLTTDS.

Bà H và ông Ch phải chịu tiền án phí trên số tiền phải trả bà H1. Tuy nhiên bà H ông Ch là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí.

Trả lại bà H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.400.000 đồng.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 18/02/2022 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H1 và bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn Ch, tài sản cho vay là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 tiền nợ gốc 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi là 97.239.000 đồng (chín mươi bẩy triệu hai trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 617.239.000 đồng (sáu trăm mười bẩy triệu hai trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Ch.

Trả lại bà Nguyễn Thị H1 14.400.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0014643 ngày 20/6//2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS, VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký0

Dương Thế Vinh